

Số: .../BC-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2021

Dự thảo

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**
Đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề, ngư
cụ thuộc danh mục nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản quy định tại
Thông tư số 19/2018/TT- BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện các quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Thủy sản năm 2017, Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn bảo vệ nguồn lợi thủy sản, UBND tỉnh báo cáo đánh giá tác động của Chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề, ngư cụ thuộc danh mục nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Tỉnh Đồng Nai có rất nhiều loài cá sống trong cả môi trường nước ngọt, nước lợ và nước mặn, trong đó có 17 loài nằm trong sách đỏ Việt Nam ở các mức độ đe dọa khác nhau cần được bảo vệ. Tuy nhiên hiện nay khu hệ cá có sự suy giảm nghiêm trọng diễn ra cả về thành phần loài cũng như số lượng cá thể, trong đó số lượng cá thể giảm đến mức báo động. Nhiều loài cá trước đây xuất hiện phổ biến thì nay rất hiếm gặp như cá me, cá ngựa xám, cá ngựa xương, cá sóc đậm, các loài cá trèn, các loài trong họ cá lăng, các loài trong nhóm cá chạch sông và một số loài cá quý hiếm khác. Nguyên nhân của sự suy giảm đó là do việc khai thác quá mức cũng như sử dụng các ngư cụ khai thác trái phép vẫn còn tồn tại, mặt khác các hoạt động phát triển của địa phương như: đô thị hóa, nuôi trồng thủy sản và các hoạt động sản xuất khác cũng góp phần vào việc làm suy giảm đa dạng sinh học.

Trong những năm trở lại đây, trên các thủy vực tự nhiên ở Đồng Nai số lượng nghề, ngư cụ khai thác thủy sản có tính chọn lọc thấp, khai thác con non, trong mùa sinh sản làm cho nguồn lợi không tái tạo được và dần mất đi gây ảnh hưởng

đến nguồn lợi thủy sản ngày càng lớn. Khu hệ cá lưu vực sông Đồng Nai đang bị khai thác quá mức và ngày càng suy giảm nghiêm trọng. Sự suy giảm khu hệ cá diễn ra cả về thành phần loài cũng như số lượng cá thể, trong đó số lượng cá thể giảm đến mức báo động. Nhiều loài cá trước đây xuất hiện phổ biến thì nay rất hiếm gặp như cá me, cá ngựa xám, cá ngựa xương, cá cóc đậm, các loài cá trên, các loài trong họ cá lăng, các loài trong nhóm cá chạch sông và một số loài cá quý hiếm khác.

Trước các vấn đề trên, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện các biện pháp như có văn bản quy định việc hạn chế phát triển không cho phát sinh thêm về các nghề, ngư cụ khai thác gây tác động đến nguồn lợi thủy sản như nghề te, lòng xếp, đáy; có các chính sách về hỗ trợ người dân khai thác, nuôi trồng thủy sản lên bờ chuyển đổi nghề nghiệp giảm áp lực khai thác nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản cũng như môi trường ở các thủy vực trên địa bàn tỉnh.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ban hành danh mục các nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản trong đó các nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản vùng nội địa bao gồm te, đáy, đăng, lòng xếp. Đây là các nghề, ngư cụ gây sát hại nguồn lợi cao, nếu cấm hoạt động các nghề này sẽ đảm bảo được nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Ngay sau khi Thông tư có hiệu lực, UBND tỉnh đã có các Văn bản số 4469/UBND-KTN ngày 23/4/2019, Văn bản số 1165/UBND-KTN ngày 11/10/2019, Văn bản số 792/UBND-KTN ngày 21/1/2021 triển khai thực hiện thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp cùng các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan thực hiện không cấp phép đối với các ngành nghề, ngư cụ cấm theo Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT trên địa bàn, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện theo các nghề cấm theo quy định chuyển đổi sinh kế. Tuy nhiên, hiện nay công tác thực thi các văn bản pháp luật trong khai thác và bảo vệ nguồn lợi của tỉnh đặc biệt là công tác khuyến khích người dân chuyển đổi ngành nghề khai thác thủy sản cấm trên địa bàn chưa đạt được hiệu quả cao vì chưa có các giải pháp, chính sách khuyến khích chuyển đổi nghề thích hợp, đảm bảo an sinh xã hội cho ngư dân.

Hạn chế trong công tác thực thi về các ngành nghề cấm:

- Số lượng phương tiện tham gia khai thác thủy sản của tỉnh tập trung vào nghề te, cào, lòng xếp, đáy còn tương đối nhiều, đây là những loại nghề không khuyến khích phát triển do gây ảnh hưởng nguồn lợi thủy sản.

- Khai thác thủy sản là nghề truyền thống nhiều thế hệ theo hình thức cha

truyền con nôi nên cộng đồng ngư dân khó chuyển đổi sang nghề khác.

- Chủ trương cấm hoạt động nghề te, lồng xếp, đóng đáy và các nghề có tính hủy diệt nguồn lợi đã có, nhưng chưa có chính sách hỗ trợ để chuyển nghề, ngư cụ, do đó gây khó khăn, lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Phần lớn lực lượng lao động tham gia khai thác có trình độ khá thấp, lớn tuổi nên gây khó khăn về đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Việc ban hành chính sách tại địa phương nhằm đảm bảo thi hành văn bản quy phạm pháp luật của trung ương vừa đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

- Ban hành chính sách để hỗ trợ một phần kinh phí chuyển đổi ngư cụ nhằm tạo điều kiện cho ngư dân có một nguồn kinh phí, giúp chuyển đổi sang nghề mới, ổn định sinh kế, góp phần phát triển bền vững nghề khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

- Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản ban hành kèm theo danh mục các nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản trong đó các nghề ngư cụ cấm khai thác vùng nội địa bao gồm te, đáy, đăng, lồng xếp.

- Điều kiện thực tế về kinh tế xã hội của người dân có hoạt động khai thác thủy sản tại Đồng Nai chủ yếu là các hộ ngư dân nghèo, trình độ dân trí thấp, có nguồn thu nhập thấp chủ yếu từ hoạt động khai thác để nuôi sống cả gia đình.

- Chủ trương cấm hoạt động nghề te, lồng xếp, đáy, đăng là các nghề có tính hủy diệt nguồn lợi đã có, nhưng chưa có chính sách hỗ trợ để chuyển nghề, ngư cụ do đó gây khó khăn, lúng túng cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện đảm bảo an sinh xã hội.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ một phần chi phí chuyển đổi nghề, ngư cụ cho các cá nhân, tổ chức đang hoạt động các nghề, ngư cụ thuộc danh mục nghề cấm trên địa bàn: tạo điều kiện trước tiên cho ngư dân có một nguồn kinh phí, hỗ trợ một phần cho người dân để họ chuyển đổi sang nghề mới, ổn định sinh kế, tỉnh Đồng Nai cần thiết phải xây dựng chính sách hỗ trợ trực tiếp cho ngư dân bị ảnh hưởng bởi việc cấm các ngư cụ khai thác thủy sản.

- Khuyến khích, tuyên truyền, vận động người dân không hoạt động lại các nghề, ngư cụ cấm trên địa bàn.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Chính sách: hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề, ngư cụ thuộc danh mục nghề,

ngư cụ cấm khai thác thủy sản quy định tại Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm nghề, ngư cụ: te, đáy, đăng, lồng xếp.

a) Mức hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân thực hiện đề nghị hỗ trợ chuyển đổi ngư cụ thuộc danh mục nghề, ngư cụ cấm theo Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chuyển đổi nghề trước ngày 30/5/2021 sẽ được hỗ trợ chi phí chuyển đổi như sau:

- a) Đối với nghề khai thác thủy sản bằng ngư cụ lồng xếp: 10 triệu/bộ.
- b) Đối với nghề khai thác thủy sản bằng ngư cụ đăng: 10 triệu/bộ.
- c) Đối với nghề khai thác thủy sản bằng ngư cụ đáy: 20 triệu/bộ.
- d) Đối với nghề khai thác thủy sản bằng ngư cụ te: 7 triệu/bộ.

(Căn cứ các đề án chuyển đổi nghề cho các ngư dân khai thác thủy sản tại một số địa phương như các tỉnh Đà Nẵng, Bình Định, Vũng tàu (có mức đầu tư về phương tiện, ngư cụ tương đương mức đầu tư phương tiện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đồng thời các điều tra đầu tư ban đầu của tất cả các nghề, ngư cụ trên thị trường hiện nay cũng như giá trị các nghề, ngư cụ được định hướng khuyến khích người dân chuyển đổi sang nếu vẫn tiếp tục làm nghề khai thác thủy sản thì mức hỗ trợ đủ để đầu tư mới các ngư cụ này).

b) Đối tượng hỗ trợ

Các cá nhân, tổ chức có giấy phép khai thác thủy sản hoặc hợp đồng khai thác đã hoạt động khai thác bằng các ngư cụ: te, đáy, đăng, lồng xếp trên các thủy vực của tỉnh Đồng Nai trước ngày 31/12/2020.

c) Nguyên tắc hỗ trợ

- Mỗi cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này chỉ được ngân sách tỉnh hỗ trợ một lần trong năm 2022. Trong trường hợp cùng nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

- Nguồn vốn hỗ trợ do ngân sách tỉnh cân đối và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có)

- Các tổ chức, cá nhân sau khi nhận hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện theo đúng mục đích hỗ trợ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

d) Điều kiện được hỗ trợ

- Tổ chức, cá nhân có địa chỉ thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ít nhất 2 năm trở lên.

- Đã hoạt động khai thác thủy sản bằng các ngư cụ te, đáy, lồng xếp, đăng từ 6 tháng trở lên (tính từ 31/12/2020 trở về trước).

- Đã chuyển đổi sang nghề khác được phép hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến trước ngày 30/5/2021.

đ) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

- Bản sao có chứng thực Giấy phép khai thác thủy sản hoặc hợp đồng khai thác (đối với khu vực hồ Trị An) của tổ chức, cá nhân hoạt động nghề khai thác bằng ngư cụ te, đáy, lồng xếp, đăng.

- Đơn đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề, ngư cụ và bản cam kết không tái hoạt động nghề khai thác bằng ngư cụ thuộc danh mục nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các hình thức khai thác bằng xung điện, chất độc, chất nổ.

- Bản sao Giấy phép khai thác thủy sản hoặc hợp đồng khai thác thủy sản theo nghề khai thác bằng các ngư cụ được phép hoạt động hoặc xác nhận của địa phương về nghề hoạt động mới không phải khai thác thủy sản trước ngày 30/5/2021 (đối với các trường hợp đã chuyển đổi).

e) Trình tự kiểm tra, xem xét hỗ trợ

- Chủ phương tiện nộp hồ sơ tại UBND cấp xã, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú.

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra thực tế, tổng hợp và chuyển hồ sơ lên Ủy ban nhân dân huyện/thành phố.

- Ủy ban nhân dân huyện/thành phố thành lập hội đồng hỗ trợ chuyển đổi ngư cụ thuộc danh mục nghề, ngư cụ cấm hoạt động khai thác thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với thành phần gồm đại diện các đơn vị: Lãnh đạo UBND huyện/thành phố, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế huyện/thành phố, UBND cấp xã, Hội Nông dân (nơi tổ chức, cá nhân thường trú, tạm trú ít nhất 2 năm), tổ trưởng tổ dân phố, Chi cục Thủy sản. Hội đồng thẩm định hồ sơ đảm bảo tính phù hợp để hưởng chính sách hỗ trợ.

- Thu hồi Bản chính Giấy phép khai thác thủy sản, hợp đồng khai thác thủy sản của phương tiện đang hoạt động tại địa phương. Đồng thời, UBND huyện/thành phố thu hồi và quản lý các ngư cụ cấm của người dân được hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân huyện/thành phố tổng hợp danh sách số lượng tổ chức cá nhân có hoạt động khai thác bằng ngư cụ cấm cần được hỗ trợ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thực hiện hỗ trợ cho người dân, có phương án xử lý đối với các ngư cụ thu hồi sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

a) Tác động khi thực hiện cấm các nghề theo quy định

- Về kinh tế hộ gia đình: giảm thu nhập hộ gia đình thuộc các nhóm hoạt động khai thác thủy sản bằng ngư cụ cấm vì không được tiếp tục khai thác bằng các loại

nghề, ngư cụ này. Khi các hộ khai thác được hỗ trợ chuyển đổi ngư cụ người dân sẽ có một phần kinh phí để gia đình tự định hướng chuyển đổi nghề nghiệp.

- Nhiều hộ ngư dân chưa có nghề nghiệp ổn định để thay thế, do đó trong thời gian ngắn hạn ngư dân phải mất thời gian tham gia đào tạo nghề mà chưa có thu nhập.

- Việc làm: lao động hiện nay đa phần là những người lớn tuổi nên khó khăn trong đào tạo nghề, tìm nguồn sinh kế mới nên dễ dẫn đến tái làm nghề cũ nếu không được kiểm soát tốt.

- Đa phần các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn còn khó khăn về điều kiện kinh tế, phương tiện, ngư cụ..., nếu không có sự hỗ trợ của Nhà nước thì khả năng tự chuyển đổi nghề của ngư dân gần như là không thể.

b) Tác động khi thực hiện chính sách

- Tác động tích cực: hỗ trợ nhằm tạo điều kiện trước tiên cho ngư dân có một nguồn kinh phí, hỗ trợ một phần cho người dân để họ chuyển đổi sang nghề mới, ổn định sinh kế.

- Tác động tiêu cực: Không

- Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách: Các cơ quan chuyên môn của tỉnh trực tiếp thực hiện công tác hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản sử dụng các ngư cụ: đáy, te, đăng, lồng xếp.

- Tác động về tài chính

- + Giải pháp không có chính sách: Việc áp dụng thực thi quy định của pháp luật sẽ gặp khó khăn, người dân sẽ có phản ứng tiêu cực đối với việc thực thi pháp luật,

- + Giải pháp ban hành chính sách mới: Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ phần nào hỗ trợ người dân về kinh tế trước mắt và có nguồn tái đầu tư khi chuyển qua ngành nghề mới. Thể hiện đường lối chủ trương của nhà nước trong việc hài hòa giữa thực thi pháp luật và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- + Việc hỗ trợ chuyển đổi nghề sẽ giúp cho các hộ ngư dân có khả năng phát triển các ngành kinh tế khác. Giúp duy trì và tạo thu nhập bền vững cho hộ ngư dân.

- + Nâng cao được hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- + Tăng cường huy động nguồn vốn từ xã hội hóa và bố trí lồng ghép nguồn vốn vào các chương trình, dự án đang thực hiện giúp tiết kiệm ngân sách Nhà nước.

- Tác động về xã hội

+ Giải pháp giữ nguyên hiện trạng không ban hành chính sách: trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh còn kéo dài, những bất cập trong phát triển kinh tế và xã hội nông thôn cơ bản chưa được giải quyết; đời sống của người dân nông thôn vẫn sẽ gặp nhiều khó khăn và ngày một gia tăng việc tái sử dụng các ngành nghề cấm một cách lén lút hoặc đến mức độ chống đối, bức xúc trong cộng đồng, không thể kiểm soát.

+ Giải pháp ban hành chính sách mới: Góp phần giải quyết khó khăn cho người dân thúc đẩy việc thực hiện cơ cấu lại ngành nghề khai thác, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hàng hóa, bền vững với môi trường và xã hội.

+ Việc thực hiện chính sách hỗ trợ kết hợp với các chính sách của nhà nước hiện nay khuyến khích phát triển nông thôn, nghề truyền thống, ocoop và các chương trình dự án ưu tiên, chuyển giao các tiến bộ khoa học theo các, công nghệ góp phần nâng cao trình độ, tay nghề và nâng cao thu nhập cho người lao động góp phần trong việc chuyển dịch cơ cấu lao động trong xã hội để phát triển kinh tế tại địa phương; hỗ trợ đảm bảo sinh kế, cho ngư dân và giúp ổn định chính trị xã hội và thực thi tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Tác động về môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

+ Việc hỗ trợ chuyển đổi các tàu cá có sử dụng ngư cụ thuộc danh mục cấm và khuyến khích chuyển đổi sang các nghề ngư cụ thân thiện với môi trường và nguồn lợi, lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, phi nông nghiệp, nhất là lĩnh vực du lịch sinh thái sẽ góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực của tỉnh.

+ Thúc đẩy nhanh và hiệu quả hơn trong việc giảm các tác động tiêu cực của các ngư cụ cấm gây ra, định hướng hoạt động khai thác, sử dụng nguồn lợi thủy sản hợp lý gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tác động về hệ thống pháp luật

+ Giải pháp giữ nguyên hiện trạng: không ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật hiện hành.

+ Giải pháp ban hành chính sách mới: không ban hành thêm, chỉ hỗ trợ thúc đẩy việc thực thi các quy định về nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản theo Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT một cách hiệu quả và hài hòa với an sinh xã hội.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

a) Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách:

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ chuyển đổi ngư cụ cho các tổ chức, cá nhân .

c) UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện chính sách giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chức năng, hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã thực hiện: thống kê số lượng ngư cụ hiện hữu trên địa bàn lập danh sách hồ sơ trình thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT trình phê duyệt, hỗ trợ.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản (Sở Nông nghiệp và PTNT) gửi lấy ý kiến của các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan đồng thời thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở ban ngành, địa phương và các đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì, soạn thảo báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thi hành chính sách; theo dõi việc hướng dẫn, tổ chức thi hành chính sách. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình và kết quả thực hiện việc hỗ trợ theo chính sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm.

2. Cơ quan giám sát: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

V. PHỤ LỤC

- Bảng tổng hợp số lượng ngư cụ cấm khai thác thủy sản phân theo các huyện;
- Dự kiến tổng chi phí hỗ trợ các cá nhân hoạt động khai thác thủy sản bằng ngư cụ cấm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2022./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và PTNT;
- Lưu: VT, KTN.

TM. UBND TỈNH ĐỒNG NAI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VÕ VĂN PHI

Phụ lục 1: Bảng tổng hợp số lượng ngư cụ cấm khai thác thủy sản phân theo huyện

STT	Đơn vị	Số lượng ngư cụ hoạt động	Số lượng ngư cụ cấm
1	Huyện Vĩnh Cửu	527	97
2	Huyện Định Quán	657	272
3	Thành phố Biên Hòa	132	18
4	Huyện Long Thành	53	44
5	Huyện Nhơn Trạch	390	314
	Tổng cộng	1759	745

Phụ lục 2: Dự kiến tổng chi phí hỗ trợ các cá nhân hoạt động khai thác thủy sản bằng ngư cụ cấm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2022

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên nghề ngư cụ	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền
1	Lông xếp	291	10	2.910
2	Đăng	53	10	530
3	Đáy	192	20	3.840
4	Te	209	7	1.463
	Tổng	745		8.743

Bằng chữ: Tám tỷ bảy trăm bốn mươi ba triệu đồng